|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 1)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Phê (đã chết) người đại diện Nguyễn Thị Hương.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Phê (đã chết) người đại diện Nguyễn Thị Hương.**

**-** Số định danh cá nhân: 001176014896

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 978, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 468,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 32,6 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 14,8 m2 | (Chiếm 3,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 17,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 32,6 m² đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, Chưa được cấp GCN, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 14,8 | 155.000 | 100% | 2.294.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **14,8** |  |  | **2.294.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 14,8 m2 | 775.000 | 11.470.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 3,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 14,8 m2 | 3.000 | 44.000 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **13.434.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 15.728.400 đồng.**

*(Bằng chữ:* *Mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng chẵn )./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 2)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Hiền.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Hiền.**

**-** Số định danh cá nhân: 001165000816

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 1 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 982, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 759,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 64,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 28,7 m2 | (Chiếm 3,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 36,1 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 64,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939296, cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 28,7 | 155.000 | 100% | 4.448.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **28,7** |  |  | **4.448.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 28,7 m2 | 775.000 | 22.242.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 1 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 480.000 | Thu hồi diện tích 3,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 28,7 m2 | 3.000 | 86.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **22.808.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 27.257.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 3)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Nhàn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Nhàn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001135001435

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 991, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.836,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 97,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 40,6 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 56,5 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 97,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939401, cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 40,6 | 155.000 | 100% | 6.293.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **40,6** |  |  | **6.293.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 40,6 m2 | 775.000 | 31.465.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 40,6 m2 | 3.000 | 121.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **33.986.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 40.279.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 4)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Tùng.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Tùng.**

**-** Số định danh cá nhân: 001074010691

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1001, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 684,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 32,3 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 12,9 m2 | (Chiếm 1,9% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 19,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 32,3 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 980040, cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 12,9 | 155.000 | 100% | 1.999.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **12,9** |  |  | **1.999.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 12,9 m2 | 775.000 | 9.997.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 1,9%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 12,9 m2 | 3.000 | 38.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **12.916.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 14.915.700 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười bốn triệu, chín trăm mười lăm nghìn, bảy trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 5)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Xuân Sơn (Nga).**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Xuân Sơn (Nga).**

**-** Số định danh cá nhân: 001066019033

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1005, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.772,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 162,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 63,3 m2 | (Chiếm 2,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 98,7 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 162,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939824, cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 63,3 | 155.000 | 100% | 9.811.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **63,3** |  |  | **9.811.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 63,3 m2 | 775.000 | 49.057.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 2,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 63,3 m2 | 3.000 | 189.900 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **51.647.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 61.458.900 đồng.**

*(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 6)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Huy Hải.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Huy Hải.**

**-** Số định danh cá nhân: 001072040461

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1017, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 468,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 32,6 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 12,3 m2 | (Chiếm 2,6% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 20,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 32,6 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939019, cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 12,3 | 155.000 | 100% | 1.906.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **12,3** |  |  | **1.906.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 12,3 m2 | 775.000 | 9.532.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 2,6%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 12,3 m2 | 3.000 | 36.900 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **11.009.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 12.915.900 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm mười lăm nghìn, chín trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 7)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Nguyễn Hữu Phương và Nguyễn Hữu Tuấn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Nguyễn Hữu Phương và Nguyễn Hữu Tuấn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001079026115  
001067003104

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1019, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.152,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 64,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 24,4 m2 | (Chiếm 2,1% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 40,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 64,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878971, cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 24,4 | 155.000 | 100% | 3.782.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **24,4** |  |  | **3.782.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 24,4 m2 | 775.000 | 18.910.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 2,1%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 24,4 m2 | 3.000 | 73.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **19.943.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 23.725.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 8)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Hải. Người được ủy quyền ông Nguyễn Đình Sơn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Hải. Người được ủy quyền ông Nguyễn Đình Sơn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001153008451

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1024, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Chùa, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.772,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 162,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 58,8 m2 | (Chiếm 2,1% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 103,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 162,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939274 , cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 58,8 | 155.000 | 100% | 9.114.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **58,8** |  |  | **9.114.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 58,8 m2 | 775.000 | 45.570.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 2,1%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 58,8 m2 | 3.000 | 176.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **49.106.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 58.220.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, hai trăm hai mươi nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 9)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Tĩnh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Tĩnh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001146015027

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 1 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 759, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.152,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 272,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 4,6 m2 | (Chiếm 0,4% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 267,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 272,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939541 , cấp ngày 27/6/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 4,6 | 155.000 | 100% | 713.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **4,6** |  |  | **713.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 4,6 m2 | 775.000 | 3.565.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 1 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 480.000 | Thu hồi diện tích 0,4%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 4,6 m2 | 3.000 | 13.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **4.058.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 4.771.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn triệu, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 10)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Phạm Xuân Đức.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Phạm Xuân Đức.**

**-** Số định danh cá nhân: 001068021850

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1058, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.304,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 291,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 100,4 m2 | (Chiếm 4,4% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 190,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 291,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939925 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 100,4 | 155.000 | 100% | 15.562.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **100,4** |  |  | **15.562.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 100,4 m2 | 775.000 | 77.810.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 4,4%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 100,4 m2 | 3.000 | 301.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **80.991.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 96.553.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 11)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Duy Trung. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Duy Trung. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc.**

**-** Số định danh cá nhân: 001069003004

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1060, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.304,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 146,5 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 50,1 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 96,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 146,5 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878910 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 50,1 | 155.000 | 100% | 7.765.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **50,1** |  |  | **7.765.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 50,1 m2 | 775.000 | 38.827.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 50,1 m2 | 3.000 | 150.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **40.417.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 48.183.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 12)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Duy Thành. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Phương.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Duy Thành. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Phương.**

**-** Số định danh cá nhân: 001075016941

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1061, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.152,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 73,5 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 24,9 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 48,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 73,5 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878905 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 24,9 | 155.000 | 100% | 3.859.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **24,9** |  |  | **3.859.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 24,9 m2 | 775.000 | 19.297.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 24,9 m2 | 3.000 | 74.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **21.292.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 25.151.700 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 13)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Nhượng.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Nhượng.**

**-** Số định danh cá nhân: 001074006446

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1066, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.843,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 111,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 37,6 m2 | (Chiếm 2,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 74,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 111,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939679 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 37,6 | 155.000 | 100% | 5.828.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **37,6** |  |  | **5.828.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 37,6 m2 | 775.000 | 29.140.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 2,0%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 37,6 m2 | 3.000 | 112.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **32.612.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 38.440.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 14)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Sứ. Người được ủy quyền bà Chu Thị Lơ.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Sứ. Người được ủy quyền bà Chu Thị Lơ.**

**-** Số định danh cá nhân: 001046008281

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1065, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.304,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 147,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 49,8 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 98,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 147,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939705 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 49,8 | 155.000 | 100% | 7.719.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **49,8** |  |  | **7.719.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 49,8 m2 | 775.000 | 38.595.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 49,8 m2 | 3.000 | 149.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **42.104.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 49.823.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 15)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Kiều Văn Bình.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Kiều Văn Bình.**

**-** Số định danh cá nhân: 001071044765

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1072, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 687,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 37,7 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 12,4 m2 | (Chiếm 1,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 25,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 37,7 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878656 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 12,4 | 155.000 | 100% | 1.922.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **12,4** |  |  | **1.922.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 12,4 m2 | 775.000 | 9.610.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 1,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 12,4 m2 | 3.000 | 37.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **12.527.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 14.449.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 16)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Vui (Thảo). Người được ủy quyền ông Nguyễn Văn Kiên.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Vui (Thảo). Người được ủy quyền ông Nguyễn Văn Kiên.**

**-** Số định danh cá nhân: 001140017290

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1073, tờ bản đồ số 18 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.404,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 114,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 37,5 m2 | (Chiếm 2,7% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 76,9 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 114,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939551 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 37,5 | 155.000 | 100% | 5.812.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **37,5** |  |  | **5.812.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 37,5 m2 | 775.000 | 29.062.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 2,7%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 37,5 m2 | 3.000 | 112.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **31.095.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 36.907.500 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 17)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Giới. Người được ủy quyền bà Phạm Thị Chè.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Giới. Người được ủy quyền bà Phạm Thị Chè.**

**-** Số định danh cá nhân: 001073043711

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.368,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 76,6 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 24,8 m2 | (Chiếm 1,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 51,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 76,6 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU939982 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 24,8 | 155.000 | 100% | 3.844.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **24,8** |  |  | **3.844.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 24,8 m2 | 775.000 | 19.220.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 1,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 24,8 m2 | 3.000 | 74.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **22.174.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 26.018.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 18)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Minh Xuyến.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Minh Xuyến.**

**-** Số định danh cá nhân: 001169017808

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.924,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 274,7 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 87,4 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 187,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 274,7 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939094 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 87,4 | 155.000 | 100% | 13.547.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **87,4** |  |  | **13.547.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 87,4 m2 | 775.000 | 67.735.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 87,4 m2 | 3.000 | 262.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **71.357.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 84.904.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Tám mươi bốn triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 19)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Thành. Người được ủy quyền bà Phạm Thị Linh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Thành. Người được ủy quyền bà Phạm Thị Linh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001067038882

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 8 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1383, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.620,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 120,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 37,6 m2 | (Chiếm 2,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 82,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 120,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939717 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 37,6 | 155.000 | 100% | 5.828.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **37,6** |  |  | **5.828.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 37,6 m2 | 775.000 | 29.140.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 8 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.840.000 | Thu hồi diện tích 2,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 37,6 m2 | 3.000 | 112.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **33.092.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 38.920.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, chín trăm hai mươi nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 20)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ Nguyễn Thị Vân (Ét). Người được ủy quyền bà Trịnh Thị Luyến.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ Nguyễn Thị Vân (Ét). Người được ủy quyền bà Trịnh Thị Luyến.**

**-** Số định danh cá nhân: 001134011998

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 9 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 161, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.304,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 159,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 50,1 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 109,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 159,9 m² đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, Chưa được cấp GCN. Hồ sơ địa chính là Nguyễn Thị Ét (đã có đơn xác nhận 2 tên là 1), mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 50,1 | 155.000 | 100% | 7.765.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **50,1** |  |  | **7.765.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 50,1 m2 | 775.000 | 38.827.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 9 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 4.320.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 50,1 m2 | 3.000 | 150.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **43.297.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 51.063.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi mốt triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm đồng chẵn)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 21)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Đỗ Văn Kha (đã chết) người đại diện bà Ngô Thị Dễ (là vợ).**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Đỗ Văn Kha (đã chết) người đại diện bà Ngô Thị Dễ (là vợ).**

**-** Số định danh cá nhân: 001157038867

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 5 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Cánh Dộc Giữu, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.772,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 199,3 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 62,4 m2 | (Chiếm 2,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 136,9 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 199,3 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878625 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 62,4 | 155.000 | 100% | 9.672.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **62,4** |  |  | **9.672.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 62,4 m2 | 775.000 | 48.360.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 2,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 62,4 m2 | 3.000 | 187.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **51.427.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 61.099.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 22)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Đình Thuật (đã chết) người đại diện bà Tạ Thị Liên.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Đình Thuật (đã chết) người đại diện bà Tạ Thị Liên.**

**-** Số định danh cá nhân: 001162004045

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 04 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1525, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.848,4 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 436,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 45,1 m2 | (Chiếm 1,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 391,1 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 436,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878785 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 45,1 | 155.000 | 100% | 6.990.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **45,1** |  |  | **6.990.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 45,1 m2 | 775.000 | 34.952.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 04 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 45,1 m2 | 3.000 | 135.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **37.007.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 43.998.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 23)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Tạc. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Hạnh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Tạc. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Hạnh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001162001025

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1526, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.620,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 184,7 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 19,5 m2 | (Chiếm 1,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 165,2 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 184,7 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939449 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 19,5 | 155.000 | 100% | 3.022.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **19,5** |  |  | **3.022.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 19,5 m2 | 775.000 | 15.112.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 1,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 19,5 m2 | 3.000 | 58.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **16.131.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 19.153.500 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười chín triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 24)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Thêm.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Thêm.**

**-** Số định danh cá nhân: 001084075906

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1544, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.152,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 109,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 18,7 m2 | (Chiếm 1,6% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 90,7 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 109,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939722 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 18,7 | 155.000 | 100% | 2.898.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **18,7** |  |  | **2.898.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Không có cây cối, hoa màu |  |  | 18,7m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | - |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **-** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 18,7 m2 | 775.000 | 14.492.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 1,6%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 18,7 m2 | 3.000 | 56.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **16.948.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 19.847.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười chín triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 25)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Đặng Thị Kinh. Người được ủy quyền ông Lại Văn Trĩ.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Đặng Thị Kinh. Người được ủy quyền ông Lại Văn Trĩ.**

**-** Số định danh cá nhân: 001144011253

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 9 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1546, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.736,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 365,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 47,7 m2 | (Chiếm 1,7% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 318,1 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 365,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878569 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 47,7 | 155.000 | 100% | 7.393.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **47,7** |  |  | **7.393.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 47,7 m2 | 775.000 | 36.967.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 9 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 4.320.000 | Thu hồi diện tích 1,7%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 47,7 m2 | 3.000 | 143.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **41.430.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 48.824.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 26)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Đỗ Thị Thưởng (đã chết) người đại diện Nguyễn Văn Thiều.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Đỗ Thị Thưởng (đã chết) người đại diện Nguyễn Văn Thiều.**

**-** Số định danh cá nhân: bà Nguyễn Thị Loan  
001156000591

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1549, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 482,4 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 73,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 9,6 m2 | (Chiếm 2,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 63,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 73,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878596 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 9,6 | 155.000 | 100% | 1.488.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **9,6** |  |  | **1.488.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 9,6 m2 | 775.000 | 7.440.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 2,0%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 9,6 m2 | 3.000 | 28.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **8.428.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 9.916.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Chín triệu, chín trăm mười sáu nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 27)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Duy Đức. Người được ủy quyền bà Đào Thị Phương.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Duy Đức. Người được ủy quyền bà Đào Thị Phương.**

**-** Số định danh cá nhân: 001069040294

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1552, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.772,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 362,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 49,8 m2 | (Chiếm 1,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 312,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 362,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878887 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 49,8 | 155.000 | 100% | 7.719.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **49,8** |  |  | **7.719.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 49,8 m2 | 775.000 | 38.595.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 1,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 49,8 m2 | 3.000 | 149.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **41.624.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 49.343.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 28)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Quý (đã chết). Người đại diện ông Tạ Đức Mến.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Quý (đã chết). Người đại diện ông Tạ Đức Mến.**

**-** Số định danh cá nhân: 001095036505

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1620, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.556,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 353,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 54,8 m2 | (Chiếm 2,1% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 299,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 353,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 980017 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 54,8 | 155.000 | 100% | 8.494.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **54,8** |  |  | **8.494.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 54,8 m2 | 775.000 | 42.470.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 2,1%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 54,8 m2 | 3.000 | 164.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **45.994.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 54.488.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 29)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Phạm Xuân Sự.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Phạm Xuân Sự.**

**-** Số định danh cá nhân: 001056001655

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1621, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Ba Hàng, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.088,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 282,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 45,0 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 237,2 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 282,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939952 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 45,0 | 155.000 | 100% | 6.975.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **45,0** |  |  | **6.975.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 45,0 m2 | 775.000 | 34.875.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 45,0 m2 | 3.000 | 135.000 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **36.450.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 43.425.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 30)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Toàn (đã chết) người đại diện bà Trần Thị Nhàn. Người được ủy quyền ông Nguyễn Văn Biên.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Toàn (đã chết) người đại diện bà Trần Thị Nhàn. Người được ủy quyền ông Nguyễn Văn Biên.**

**-** Số định danh cá nhân: 001170006184

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1645, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 684,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 73,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 5,7 m2 | (Chiếm 0,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 67,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 73,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939738 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 5,7 | 155.000 | 100% | 883.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **5,7** |  |  | **883.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 5,7 m2 | 775.000 | 4.417.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 0,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 5,7 m2 | 3.000 | 17.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **5.874.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 6.758.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Sáu triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 31)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Hữu Chính (đã chết) người đại diện bà Trương Thị Mão.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Hữu Chính (đã chết) người đại diện bà Trương Thị Mão.**

**-** Số định danh cá nhân: 001151001296

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1643, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.240,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 424,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 32,8 m2 | (Chiếm 1,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 391,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 424,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878932 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 32,8 | 155.000 | 100% | 5.084.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **32,8** |  |  | **5.084.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 32,8 m2 | 775.000 | 25.420.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,0%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 32,8 m2 | 3.000 | 98.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **27.438.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 32.522.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 32)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Hưng. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngạn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Tạ Đức Hưng. Người được ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngạn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001079027424

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1657, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dền, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 669,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 81,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 13,2 m2 | (Chiếm 2,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 68,7 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 81,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939993 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 13,2 | 155.000 | 100% | 2.046.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **13,2** |  |  | **2.046.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 13,2 m2 | 775.000 | 10.230.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 2,0%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 13,2 m2 | 3.000 | 39.600 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **12.669.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 14.715.600 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười bốn triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, sáu trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 33)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Ngạn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Ngạn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001152014125

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1658, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dền, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 982,8 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 163,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 26,5 m2 | (Chiếm 2,7% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 136,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 163,1 m² đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, Chưa được cấp GCN. Hồ sơ địa chính là Chu Thị Ngạn (đã có đơn xác nhận 2 tên là 1) , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 26,5 | 155.000 | 100% | 4.107.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **26,5** |  |  | **4.107.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 26,5 m2 | 775.000 | 20.537.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 2,7%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 26,5 m2 | 3.000 | 79.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **22.057.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 26.164.500 đồng.**

*(Bằng chữ:* *Hai mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng chẵn. )./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 34)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Đình Tuấn (đã chết) người đại diện Nguyễn Mai Hương.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Đình Tuấn (đã chết) người đại diện Nguyễn Mai Hương.**

**-** Số định danh cá nhân: 001175033624

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1683, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.888,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 423,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 42,2 m2 | (Chiếm 1,1% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 381,2 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 423,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878805 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 42,2 | 155.000 | 100% | 6.541.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **42,2** |  |  | **6.541.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 42,2 m2 | 775.000 | 32.705.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 1,1%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 42,2 m2 | 3.000 | 126.600 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **36.191.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 42.732.600 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 35)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Đặng Mạnh Tuấn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Đặng Mạnh Tuấn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001066021872

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1697, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dền, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.304,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 77,7 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 11,9 m2 | (Chiếm 0,5% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 65,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 77,7 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878563 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 11,9 | 155.000 | 100% | 1.844.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **11,9** |  |  | **1.844.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 11,9 m2 | 775.000 | 9.222.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 0,5%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 11,9 m2 | 3.000 | 35.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **12.138.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 13.982.700 đồng.**

*(Bằng chữ: Mười ba triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 36)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Anh Giang.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Anh Giang.**

**-** Số định danh cá nhân: 001080022768

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1687, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 475,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 73,6 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 7,7 m2 | (Chiếm 1,6% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 65,9 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 73,6 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878849 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 7,7 | 155.000 | 100% | 1.193.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **7,7** |  |  | **1.193.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 7,7 m2 | 775.000 | 5.967.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 1,6%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 7,7 m2 | 3.000 | 23.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **8.390.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 9.584.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Chín triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 37)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Anh Đức.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Anh Đức.**

**-** Số định danh cá nhân: 001082008975

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1688, tờ bản đồ số 28 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 475,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 74,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 7,6 m2 | (Chiếm 1,6% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 66,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 74,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878845 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 7,6 | 155.000 | 100% | 1.178.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **7,6** |  |  | **1.178.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 7,6 m2 | 775.000 | 5.890.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,6%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 7,6 m2 | 3.000 | 22.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **7.832.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 9.010.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Chín triệu, không trăm mười nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 38)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Bà Lê Thị Thu.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Bà Lê Thị Thu.**

**-** Số định danh cá nhân: 001169006661

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 1 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1699, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dền, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.897,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 231,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 35,1 m2 | (Chiếm 1,9% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 196,1 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 231,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số CH 605148 , cấp ngày 30/12/2016 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 35,1 | 155.000 | 100% | 5.440.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **35,1** |  |  | **5.440.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 35,1 m2 | 775.000 | 27.202.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 1 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 480.000 | Thu hồi diện tích 1,9%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 35,1 m2 | 3.000 | 105.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **27.787.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 33.228.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 39)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Trần Thị Nga.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Trần Thị Nga.**

**-** Số định danh cá nhân: 001142001700

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1727, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.420,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 355,3 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 40,8 m2 | (Chiếm 1,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 314,5 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 355,3 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 980134 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 40,8 | 155.000 | 100% | 6.324.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **40,8** |  |  | **6.324.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 40,8 m2 | 775.000 | 31.620.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 40,8 m2 | 3.000 | 122.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **33.662.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 39.986.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 40)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Phạm Xuân Toàn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Phạm Xuân Toàn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001066037951

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1703, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dền, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.836,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 228,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 31,8 m2 | (Chiếm 1,7% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 197,1 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 228,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939956 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 31,8 | 155.000 | 100% | 4.929.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **31,8** |  |  | **4.929.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 31,8 m2 | 775.000 | 24.645.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 1,7%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 31,8 m2 | 3.000 | 95.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **27.620.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 32.549.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 41)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Như Cự. Người được ủy quyền ông Nguyễn Hữu Hiền.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Như Cự. Người được ủy quyền ông Nguyễn Hữu Hiền.**

**-** Số định danh cá nhân: 001052013415

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1719, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.404,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 213,3 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 30,4 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 182,9 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 213,3 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939117 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 30,4 | 155.000 | 100% | 4.712.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **30,4** |  |  | **4.712.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 30,4 m2 | 775.000 | 23.560.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 30,4 m2 | 3.000 | 91.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **25.571.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 30.283.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 42)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Phạm Thị Liên (đã chết) người đại diện ông Nguyễn Hữu Hiền.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Phạm Thị Liên (đã chết) người đại diện ông Nguyễn Hữu Hiền.**

**-** Số định danh cá nhân: 001082048711

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1718, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.924,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 492,7 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 58,1 m2 | (Chiếm 1,5% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 434,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 492,7 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939881 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 58,1 | 155.000 | 100% | 9.005.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **58,1** |  |  | **9.005.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 58,1 m2 | 775.000 | 45.027.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 1,5%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 58,1 m2 | 3.000 | 174.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **48.561.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 57.567.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 43)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Miễn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Miễn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001162027136

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1725, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 1.620,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 198,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 29,5 m2 | (Chiếm 1,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 168,7 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 198,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939367 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 29,5 | 155.000 | 100% | 4.572.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **29,5** |  |  | **4.572.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 29,5 m2 | 775.000 | 22.862.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 1,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 29,5 m2 | 3.000 | 88.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **24.391.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 28.963.500 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 44)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Loan (Quang).**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Loan (Quang).**

**-** Số định danh cá nhân: 001150015721

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 8 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 169, tờ bản đồ số 6 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1726, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dộc Quán, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.304,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 265,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 52,6 m2 | (Chiếm 2,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 213,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 265,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939341 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 52,6 | 155.000 | 100% | 8.153.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **52,6** |  |  | **8.153.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 52,6 m2 | 775.000 | 40.765.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 8 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.840.000 | Thu hồi diện tích 2,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 52,6 m2 | 3.000 | 157.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **44.762.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 52.915.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, chín trăm mười lăm nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 45)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 53/TB-UBND ngày 19/8/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 26/8/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Hồng. Người được ủy quyền ông Nguyễn Đình Tráng.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Hồng. Người được ủy quyền ông Nguyễn Đình Tráng.**

**-** Số định danh cá nhân: 001073022944

- Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 04 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 7 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1713, tờ bản đồ số 26 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dền, thôn Vũ Ngoại, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.988,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 356,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 42,7 m2 | (Chiếm 1,4% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 314,2 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 356,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 939289 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 42,7 | 155.000 | 100% | 6.618.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **42,7** |  |  | **6.618.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 42,7 m2 | 775.000 | 33.092.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 04 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,4%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 42,7 m2 | 3.000 | 128.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **35.140.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 41.759.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 46)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Mạnh Hùng.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Mạnh Hùng.**

**-** Số định danh cá nhân: 001061005279

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.924,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 150,4 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 30,4 m2 | (Chiếm 0,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 120,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 150,4 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854193 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 30,4 | 155.000 | 100% | 4.712.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **30,4** |  |  | **4.712.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 30,4 m2 | 775.000 | 23.560.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 0,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 30,4 m2 | 3.000 | 91.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **25.091.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 29.803.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 47)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Tỉnh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Tỉnh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001167027150

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 697, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.016,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 108,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 26,1 m2 | (Chiếm 1,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 82,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 108,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 980167 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 26,1 | 155.000 | 100% | 4.045.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **26,1** |  |  | **4.045.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 26,1 m2 | 775.000 | 20.227.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 1,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 26,1 m2 | 3.000 | 78.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **21.265.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 25.311.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 48)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Bùi Thị Tâm.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Bùi Thị Tâm.**

**-** Số định danh cá nhân: 001142009925

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 5.932,8 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 252,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 64,6 m2 | (Chiếm 1,1% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 187,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 252,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854481 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 64,6 | 155.000 | 100% | 10.013.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **64,6** |  |  | **10.013.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 64,6 m2 | 775.000 | 50.065.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 1,1%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 64,6 m2 | 3.000 | 193.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **51.218.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 61.231.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, hai trăm ba mươi mốt nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 49)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Khánh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Khánh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001067013575

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.157,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 144,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 39,8 m2 | (Chiếm 1,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 104,2 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 144,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854244 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 39,8 | 155.000 | 100% | 6.169.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **39,8** |  |  | **6.169.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 39,8 m2 | 775.000 | 30.845.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 1,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 39,8 m2 | 3.000 | 119.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **33.364.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 39.533.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 50)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Trung Thật.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Trung Thật.**

**-** Số định danh cá nhân: 001081003978

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.099,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 186,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 52,4 m2 | (Chiếm 1,7% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 134,5 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 186,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854405 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 52,4 | 155.000 | 100% | 8.122.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **52,4** |  |  | **8.122.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 52,4 m2 | 775.000 | 40.610.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,7%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 52,4 m2 | 3.000 | 157.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **42.687.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 50.809.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 51)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Dũng.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Dũng.**

**-** Số định danh cá nhân: 001075005123

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 7 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Số tờ theo thông tin GPMB*** | ***Số thửa theo thông tin GPMB*** | ***Số tờ theo BĐ địa chính*** | ***Số thửa theo BĐ địa chính*** | ***Xứ đồng*** | ***Diện tích thửa đất (m2)*** | ***Diện tích thu hồi (m2)*** | ***Diện tích còn lại (m2)*** | ***Tỷ lệ thu hồi đất*** | ***GCN QSDĐ số do UBND huyện Ứng Hòa cấp*** | ***Ngày cấp GCN*** |
| ***1*** | *1* | *6* | *3* | *20* | *Đồng Dinh* | *352,8* | *118,1* | *234,7* | *4,9%* | *BU 980176* | *27/6/2014* |
| ***2*** | *1* | *40* | *3* | *324* | *Đồng 5%* | *380,1* | *301,5* | *78,6* | *BU 980175* | *27/6/2014* |
| ***Tổng cộng*** | | | | | | ***732,9*** | ***419,6*** | ***313,3*** |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: 8.506,8 m2 | | | |  |  | |
|  |  |  | | |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 419,6 | 155.000 | 100% | 65.038.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **419,6** |  |  | **65.038.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 419,6 m2 | 775.000 | 325.190.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 7 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 3.360.000 | Thu hồi diện tích 4,9%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 419,6 m2 | 3.000 | 1.258.000 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **329.808.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 394.846.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 52)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Nhâm.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Nhâm.**

**-** Số định danh cá nhân: 001063031761

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 706, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.916,8 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 72,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 23,0 m2 | (Chiếm 0,6% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 49,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 72,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854331 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 23,0 | 155.000 | 100% | 3.565.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **23,0** |  |  | **3.565.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 23,0 m2 | 775.000 | 17.825.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 0,6%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 23,0 m2 | 3.000 | 69.000 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **19.334.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 22.899.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 53)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Thịnh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Thịnh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001057015325

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 5.245,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 223,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 68,6 m2 | (Chiếm 1,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 154,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 223,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854426 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 68,6 | 155.000 | 100% | 10.633.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **68,6** |  |  | **10.633.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 68,6 m2 | 775.000 | 53.165.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 1,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 68,6 m2 | 3.000 | 205.800 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **54.810.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 65.443.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 54)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Lê Thị Bến (đã chết) người đại diện Nguyễn Văn Mai.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Lê Thị Bến (đã chết) người đại diện Nguyễn Văn Mai.**

**-** Số định danh cá nhân: 001068010739

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Số tờ theo thông tin GPMB*** | ***Số thửa theo thông tin GPMB*** | ***Số tờ theo BĐ địa chính*** | ***Số thửa theo BĐ địa chính*** | ***Xứ đồng*** | ***Diện tích thửa đất (m2)*** | ***Diện tích thu hồi (m2)*** | ***Diện tích còn lại (m2)*** | ***Tỷ lệ thu hồi đất*** | ***GCN QSDĐ số do UBND huyện Ứng Hòa cấp*** | ***Ngày cấp GCN*** |
| ***1*** | *1* | *9* | *3* | *12* | *Đồng Dinh* | *108,1* | *31,8* | *76,3* | *5,2%* | *BR 854121* | *27/5/2014* |
| ***2*** | *1* | *25* | *3* | *677* | *Đồng 5%* | *108,0* | *98,9* | *9,1* | *BR 854122* | *27/5/2014* |
| ***Tổng cộng*** | | | | | | ***216,1*** | ***130,7*** | ***85,4*** |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: 2.509,2 m2 |  |  |
|  |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 130,7 | 155.000 | 100% | 20.258.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **130,7** |  |  | **20.258.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 31,8 m2 |  |  | 31,8m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 235.320 | Cấy lúa tẻ tại xứ Đồng Dinh |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **235.320** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 130,7 m2 | 775.000 | 101.292.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 5,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 130,7 m2 | 3.000 | 392.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **102.644.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 123.138.420 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 55)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Như Hiếu.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Như Hiếu.**

**-** Số định danh cá nhân: 001069037991

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.703,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 112,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 44,3 m2 | (Chiếm 1,6% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 67,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 112,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854207 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 44,3 | 155.000 | 100% | 6.866.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **44,3** |  |  | **6.866.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 44,3 m2 | 775.000 | 34.332.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 1,6%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 44,3 m2 | 3.000 | 132.900 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **36.865.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 43.731.900 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, chín trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 56)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Như Hảo (đã chết) người đại diện Nguyễn Như Hiếu.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Như Hảo (đã chết) người đại diện Nguyễn Như Hiếu.**

**-** Số định danh cá nhân: 001069037991

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 5 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 4.860,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 176,7 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 118,3 m2 | (Chiếm 2,4% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 58,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 176,7 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854172 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 118,3 | 155.000 | 100% | 18.336.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **118,3** |  |  | **18.336.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 118,3 m2 | 775.000 | 91.682.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 5 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 2,4%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 118,3 m2 | 3.000 | 354.900 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **94.437.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 112.773.900 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 57)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Đỗ Văn An.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Đỗ Văn An.**

**-** Số định danh cá nhân: 001067019728

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 05 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.992,4 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 321,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 132,9 m2 | (Chiếm 3,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 188,9 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 321,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854098 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 132,9 | 155.000 | 100% | 20.599.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **132,9** |  |  | **20.599.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 132,9 m2 | 775.000 | 102.997.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 05 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.400.000 | Thu hồi diện tích 3,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 132,9 m2 | 3.000 | 398.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **105.796.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 126.395.700 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 58)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Bùi Thị Cải.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Bùi Thị Cải.**

**-** Số định danh cá nhân: 001156025017

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 1 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.052,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 90,5 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 35,5 m2 | (Chiếm 1,7% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 55,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 90,5 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854130 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 35,5 | 155.000 | 100% | 5.502.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **35,5** |  |  | **5.502.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 35,5 m2 | 775.000 | 27.512.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 1 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 480.000 | Thu hồi diện tích 1,7%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 35,5 m2 | 3.000 | 106.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **28.099.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 33.601.500 đồng.**

*(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, năm trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 59)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Bùi Thị Thịnh (đã chết) người đại diện Bùi Tiến Lộc.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Bùi Thị Thịnh (đã chết) người đại diện Bùi Tiến Lộc.**

**-** Số định danh cá nhân: 001073004493

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 03 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 597,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 129,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 49,8 m2 | (Chiếm 8,3% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 80,1 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 129,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854417 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 49,8 | 155.000 | 100% | 7.719.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **49,8** |  |  | **7.719.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 49,8 m2 | 775.000 | 38.595.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 03 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 8,3%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 49,8 m2 | 3.000 | 149.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **40.184.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 47.903.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 60)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Xuân Hoa.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Xuân Hoa.**

**-** Số định danh cá nhân: 001063009837

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 88, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 4.557,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 197,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 87,1 m2 | (Chiếm 1,9% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 110,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 197,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854225 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 87,1 | 155.000 | 100% | 13.500.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **87,1** |  |  | **13.500.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 87,1 m2 | 775.000 | 67.502.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 1,9%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 87,1 m2 | 3.000 | 261.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **69.683.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 83.184.300 đồng.**

*(Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 61)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Lý.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Lý.**

**-** Số định danh cá nhân: 001173012804

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.930,4 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 126,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 58,3 m2 | (Chiếm 2,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 67,8 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 126,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854475 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 58,3 | 155.000 | 100% | 9.036.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **58,3** |  |  | **9.036.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 58,3 m2 | 775.000 | 45.182.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 2,0%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 58,3 m2 | 3.000 | 174.900 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **46.317.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 55.353.900 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 62)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Dư.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Dư.**

**-** Số định danh cá nhân: 001160035265

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.106,8 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 126,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 58,8 m2 | (Chiếm 1,9% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 67,2 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 126,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854147 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 58,8 | 155.000 | 100% | 9.114.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **58,8** |  |  | **9.114.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 58,8 m2 | 775.000 | 45.570.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 1,9%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 58,8 m2 | 3.000 | 176.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **46.706.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 55.820.400 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi nghìn, bốn trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 63)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Nghiêm.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Nghiêm.**

**-** Số định danh cá nhân: 001072045571

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 4 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.469,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 108,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 49,7 m2 | (Chiếm 2,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 58,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 108,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854327 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 49,7 | 155.000 | 100% | 7.703.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **49,7** |  |  | **7.703.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 49,7 m2 | 775.000 | 38.517.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 4 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.920.000 | Thu hồi diện tích 2,0%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 49,7 m2 | 3.000 | 149.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **40.586.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 48.290.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, hai trăm chín mươi nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 64)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Ngọc Mạnh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Ngọc Mạnh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001065004438

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 6.282,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 108,3 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 92,9 m2 | (Chiếm 1,5% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 15,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 108,3 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854295 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 92,9 | 155.000 | 100% | 14.399.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **92,9** |  |  | **14.399.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 92,9 m2 |  |  | 92,9m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 687.460 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **687.460** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 92,9 m2 | 775.000 | 71.997.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 1,5%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 92,9 m2 | 3.000 | 278.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **73.716.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 88.803.160 đồng.**

*(Bằng chữ: Tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, một trăm sáu mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 65)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Luật.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Luật.**

**-** Số định danh cá nhân: 001047010272

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng Dinh, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 6.278,4 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 252,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 114,4 m2 | (Chiếm 1,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 137,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 252,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854290 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 114,4 | 155.000 | 100% | 17.732.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **114,4** |  |  | **17.732.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 114,4 m2 | 775.000 | 88.660.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 1,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 114,4 m2 | 3.000 | 343.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **89.963.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 107.695.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 66)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Bùi Khánh Dư.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Bùi Khánh Dư.**

**-** Số định danh cá nhân: 001056006460

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 696, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 6.145,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 107,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 93,9 m2 | (Chiếm 1,5% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 14,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 107,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854550 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 93,9 | 155.000 | 100% | 14.554.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **93,9** |  |  | **14.554.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 93,9 m2 |  |  | 93,9m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 694.860 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **694.860** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 93,9 m2 | 775.000 | 72.772.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 1,5%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 93,9 m2 | 3.000 | 281.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **74.014.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 89.263.560 đồng.**

*(Bằng chữ: Tám mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 67)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Quốc.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Quốc.**

**-** Số định danh cá nhân: 001072048790

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 669, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 2.404,8 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 99,9 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 91,3 m2 | (Chiếm 3,8% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 8,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 99,9 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878216 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 91,3 | 155.000 | 100% | 14.151.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **91,3** |  |  | **14.151.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 91,3 m2 |  |  | 91,3m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 675.620 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **675.620** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 91,3 m2 | 775.000 | 70.757.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 3,8%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 91,3 m2 | 3.000 | 273.900 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **72.471.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 87.298.520 đồng.**

*(Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 68)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Can.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Văn Can.**

**-** Số định danh cá nhân: 001033003056

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 03 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 705, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 3.600,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 87,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 79,8 m2 | (Chiếm 2,2% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 8,0 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 87,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854513 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 79,8 | 155.000 | 100% | 12.369.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **79,8** |  |  | **12.369.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 79,8 m2 |  |  | 79,8m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 590.520 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **590.520** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 79,8 m2 | 775.000 | 61.845.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 03 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 1.440.000 | Thu hồi diện tích 2,2%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 79,8 m2 | 3.000 | 239.400 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **63.524.400** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 76.483.920 đồng.**

*(Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 69)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Hữu Dương.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Hữu Dương.**

**-** Số định danh cá nhân: 001070045993

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 689, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 4.658,4 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 108,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 97,5 m2 | (Chiếm 2,1% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 10,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 108,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854150 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 97,5 | 155.000 | 100% | 15.112.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **97,5** |  |  | **15.112.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 97,5 m2 |  |  | 97,5m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 721.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **721.500** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 97,5 m2 | 775.000 | 75.562.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 2,1%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 97,5 m2 | 3.000 | 292.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **76.815.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 92.649.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 70)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Bùi Quốc Văn.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Bùi Quốc Văn.**

**-** Số định danh cá nhân: 001053016565

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 6 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 6.307,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 60,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 55,1 m2 | (Chiếm 0,9% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 4,9 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 60,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854450 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 55,1 | 155.000 | 100% | 8.540.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **55,1** |  |  | **8.540.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 55,1 m2 |  |  | 55,1m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 407.740 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **407.740** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 55,1 m2 | 775.000 | 42.702.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 6 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 2.880.000 | Thu hồi diện tích 0,9%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 55,1 m2 | 3.000 | 165.300 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **45.747.800** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 54.696.040 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 71)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Quốc Tiến.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Quốc Tiến.**

**-** Số định danh cá nhân: 001073023660

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 204, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 108,0 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 108,0 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 99,4 m2 | (Chiếm 92,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 8,6 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 108,0 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BU 878103 , cấp ngày 27/6/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 99,4 | 155.000 | 100% | 15.407.000 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **99,4** |  |  | **15.407.000** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 99,4 m2 |  |  | 99,4m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 735.560 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **735.560** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 99,4 m2 | 775.000 | 77.035.000 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*12 tháng | | 11.520.000 | Thu hồi diện tích 92,0%, hỗ trợ 12 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 99,4 m2 | 3.000 | 298.200 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **88.853.200** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 104.995.760 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 72)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Bùi Văn Tuất.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Bùi Văn Tuất.**

**-** Số định danh cá nhân: 001058012765

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 2 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 228, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 4.719,6 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 323,8 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 302,5 m2 | (Chiếm 6,4% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 21,3 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 323,8 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854446 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 302,5 | 155.000 | 100% | 46.887.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **302,5** |  |  | **46.887.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 116,8 m2 |  |  | 302,5m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 864.320 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **864.320** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 302,5 m2 | 775.000 | 234.437.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 2 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*1 tháng | | 960.000 | Thu hồi diện tích 6,4%, hỗ trợ 1 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 302,5 m2 | 3.000 | 907.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **236.305.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 284.056.820 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 73)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 103/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 6/5/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Thị Liêm.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ ông Nguyễn Thị Liêm.**

**-** Số định danh cá nhân: 001159009897

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 1 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 716, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ địa chính). Đồng 5%, thôn Bặt Ngõ, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 76,1 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 76,1 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 64,7 m2 | (Chiếm 85,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 11,4 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 76,1 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BR 854462 , cấp ngày 27/5/2014 , mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 64,7 | 155.000 | 100% | 10.028.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **64,7** |  |  | **10.028.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 64,7 m2 | 775.000 | 50.142.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*12 tháng | | 17.280.000 | Thu hồi diện tích 85,0%, hỗ trợ 12 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 64,7 m2 | 3.000 | 194.100 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **67.616.600** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 77.645.100 đồng.**

*(Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm đồng chẵn.)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ ỨNG THIÊN  **BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG**  *(PA số 74)*  **“Dự thảo”** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: *đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên).***

*(Kèm theo thông báo số: 57/TB-BQLDA ngày 17/10/2025 của Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng)*

**I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Căn cứ Luật đất đai năm 2024; Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ các Quyết định của Thành phố Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND TP Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/08/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Thông báo số 275/TB-SNN ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội quy định Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên về việc phê duyệt mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Ứng Thiên;

- Căn cứ Thông báo số 77/TB-UBND ngày 11/4/2025 của UBND huyện Ứng Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa (nay là xã Ứng Thiên);

- Căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 15/4/2025;

- Căn cứ Phiếu xác định ngày 10/10/2025 của UBND xã Ứng Thiên về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

**II. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, DIỆN TÍCH BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ:**

**1/ Họ và tên người có đất thu hồi (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):**

Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Thịnh.**

Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật): **Hộ bà Nguyễn Thị Thịnh.**

**-** Số định danh cá nhân: 001175024941

- Địa chỉ thường trú: Thôn Bặt Ngõ, Liên Bạt,   
Ứng Hòa, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi: 3 nhân khẩu.

**2/ Thông tin về thửa đất:**

\* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 (theo thông tin phục vụ công tác GPMB); thuộc thửa số 283, tờ bản đồ số 33 (theo bản đồ địa chính). Đồng Thông Linh, thôn Quảng Nguyên, xã Ứng Thiên, thành phố Hà Nội; Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao đang sử dụng: | 562,2 m2 |  |
| - Thửa đất đang sử dụng bị thu hồi: | 562,2 m2 |

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Diện tích trong chỉ giới GPMB: | 230,5 m2 | (Chiếm 41,0% Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) |
| + Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: | 331,7 m2 |  |

- Nguồn gốc, thời gian sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; diện tích 562,2 m² được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCNQSD đất số BT 746110 , cấp ngày 06/3/2014, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

**III. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại đất | Đơn vị tính | Diện tích (m2) | Đơn giá (đồng/m2)  (Tạm tính theo đơn giá tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND TP Hà Nội) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| 1 | Đất chuyên trồng lúa nước(LUC) | m2 | 230,5 | 155.000 | 100% | 35.727.500 |  |
| **Tổng cộng:** | | | **230,5** |  |  | **35.727.500** |  |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng, vật nuôi là thủy sản gắn liền với đất thu hồi:**

***2.1. Nhà ở, công trình xây dựng phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản (loại nhà, công trình …) | Đơn vị tính | Quy cách tài sản | | | Khối lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
| Dài (m) | Rộng (m) | Cao (m) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9=6\*7\*8)* | *(10)* |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  |  |  | **0** |  |

***2.2. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tài sản | Đơn vị tính | Đường kính/mật độ | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7=4\*5\*6)* | *(8)* |
| Cấy lúa tẻ trên diện thu hồi 230,5 m2 |  |  | 230,5m2 | 7.400đ/m2 | *100%* | 1.705.700 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  |  |  | **1.705.700** |  |

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| 1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 16 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội; Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ)* | m2 | 230,5 m2 | 775.000 | 178.637.500 |  |
| 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp *(thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Ứng Thiên)* |  | 3 nhân khẩu\*30kg gạo\*16.000 đồng/kg gạo\*6 tháng | | 8.640.000 | Thu hồi diện tích 41,0%, hỗ trợ 6 tháng |
| 3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 và không quá 3.000.000 đ/chủ sử dụng đất *(khoản 1, điều 18 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | m2 | 230,5 m2 | 3.000 | 691.500 |  |
| **Tổng tiền:** | |  |  | **187.969.000** |  |

**4. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (1)+(2.1)+(2.2)+(3): 225.402.200 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, hai trăm đồng chẵn.)./.*